



CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương

ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522

Website: www.biwase.com.vn

Email: ptnctamtbdd@gmail.com



VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 02/13.12.2023

Ngày phát hành kết quả: 18/12/2023

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Phước Vĩnh**
- Tên mẫu: Nước đã xử lý - Bể chứa Phước Vĩnh
- Địa chỉ: Đường Độc Lập, TT. Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương.
- Ngày lấy mẫu: 13 / 12 / 2023 Ngày phân tích: 13 / 12 / 2023
- Tình trạng mẫu: Mẫu nước chứa trong 2 bình 1 lít, nước trong, không màu, không mùi vị lạ.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	7,26
2	Mùi, vị	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1.000	58
4	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	0,29
5	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
6	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	42
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	10
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 - 1,0	0,5
9	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺)* (tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 0,3	0,05
10	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	≤ 0,05	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
11	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 2	0,92
12	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	3,33
13	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
14	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,07
15	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	KPH
16	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,02
17	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
18	Chỉ số Pecmanganat*	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,32
19	Hàm lượng Florua (F ⁻)*	mg/L	HACH Method 8029	≤ 1,5	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
20	Hàm lượng Hydro Sulfua (H ₂ S)	mg/L	HACH Method 8131	≤ 0,05	KPH
21	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	HACH Method 8027	≤ 0,05	0,001
22	Hàm lượng Crom (Cr ⁶⁺)	mg/L	HACH Method 8023	≤ 0,05	0,005
23	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	HACH Method 8150	≤ 0,07	0,001
24	Hàm lượng Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3113-B:2023	≤ 200	6,11
25	Hàm lượng Bari (Ba)	mg/L	SMEWW 3113-B:2023	≤ 0,7	0,008

26	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113-B:2023	$\leq 0,003$	KPH (LOD: 0,0002 mg/L)
27	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113-B:2023	$\leq 0,01$	KPH (LOD: 0,001 mg/L)
28	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/L	SMEWW 3113-B:2023	$\leq 0,02$	KPH (LOD: 0,001 mg/L)
29	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-B:2023	$\leq 0,001$	KPH (LOD: 0,001 mg/L)
30	Hàm lượng Seleni (Se)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	$\leq 0,01$	KPH (LOD: 0,001 mg/L)
31	Alachlor	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 20	KPH (LOD: 0,05 $\mu\text{g/L}$)
32	Atrazine	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 100	KPH (LOD: 1 $\mu\text{g/L}$)
33	Clodane	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	$\leq 0,2$	KPH (LOD: 0,05 $\mu\text{g/L}$)
34	DDT và các dẫn xuất	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 1	KPH (LOD: 0,5 $\mu\text{g/L}$)
35	Methoxychlor	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 20	KPH (LOD: 0,5 $\mu\text{g/L}$)
36	Molinate	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 6	KPH (LOD: 0,05 $\mu\text{g/L}$)
37	Permethrin	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 20	KPH (LOD: 5 $\mu\text{g/L}$)
38	Simazine	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 2	KPH (LOD: 2 $\mu\text{g/L}$)
39	Trifuralin	$\mu\text{g/L}$	US EPA 525.3	≤ 20	KPH (LOD: 0,05 $\mu\text{g/L}$)
40	2,4,6 Triclorophenol	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8270	≤ 200	KPH (LOD: 20 $\mu\text{g/L}$)
41	Phenol và dẫn xuất của Phenol	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8270	≤ 1	KPH (LOD: 0,3 $\mu\text{g/L}$)
42	1,2-Dichlorobenzene	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8270	≤ 1000	KPH (LOD: 0,5 $\mu\text{g/L}$)
43	Trichlorobenzene	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8270	≤ 20	KPH (LOD: 0,5 $\mu\text{g/L}$)
44	Hexacloro butadien	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8270	$\leq 0,6$	KPH (LOD: 0,5 $\mu\text{g/L}$)
45	<i>Coliform tổng</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 3	0
46	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
47	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	< 1	0
48	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100mL	SMEWW 9213-B:2023	< 1	0

***Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2018/BYT.

***Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Mai Thị Đẹp



Số/Nº:

/IVYTCC

0 2 8 5 5 3

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 34006.23

Tên khách hàng/ Customer: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHƯỚC VĨNH

Địa chỉ/ Address: SỐ 142 ĐỘC LẬP, KP2, THỊ TRẤN PHƯỚC VĨNH, HUYỆN PHÚ GIÁO,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

Người lấy mẫu: Mai Phương, Nguyễn Thị Trang - Viện Y tế Công cộng TP.HCM

Sample collector: Phuong Mai, Trang Nguyen Thi - Institute of public health Ho Chi Minh City

Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting: 12/12/2023/ December 12th, 2023

Tên mẫu/ Sample: NƯỚC SAU XỬ LÝ (BỂ CHỨA PHƯỚC VĨNH)

Lượng mẫu: 01 bình x 5 lít + 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml

Quantity of sample: 01 bottle x 5 liter + 01 bottle x 2 liter + 01 bottle x 500 ml

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving: 12/12/2023/ December 12th, 2023

Người gửi mẫu/ Sample sender: Đặng Thái Châu/ Chau Dang Thai

Người nhận mẫu/ Sample receiver: Trần Thị Thúy/ Thuy Tran Thi

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) Boron (Borate & Boric Acid)	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.02 mg/l	≤ 0.3 mg/l	18/12/2023 December 18 th , 2023
2	Selen (Se) Selenium (Se)	HD.PP.21/TT.AAS: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003 mg/l	≤ 0.01 mg/l	18/12/2023 December 18 th , 2023
3	1,1,1-Tricloroetan 1,1,1-Trichloroethane	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.30 µg/l	≤ 2000 µg/l	14/12/2023 December 14 th , 2023
4	1,2-Dicloroetan 1,2-Dichloroethane	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.40 µg/l	≤ 30 µg/l	14/12/2023 December 14 th , 2023
5	1,2-Dicloroeten 1,2-dichloroethene	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.40 µg/l	≤ 50 µg/l	14/12/2023 December 14 th , 2023
6	Cacbontetraclorua CCl ₄ Carbon tetrachloride CCl ₄	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.20 µg/l	≤ 2 µg/l	14/12/2023 December 14 th , 2023
7	Diclorometan CH ₂ Cl ₂ Dichloromethane CH ₂ Cl ₂	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.30 µg/l	≤ 20 µg/l	14/12/2023 December 14 th , 2023
8	Tetracloroeten Tetrachloroethene	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.20 µg/l	≤ 40 µg/l	14/12/2023 December 14 th , 2023

Sample code: 34006.23

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
9	Trichloroeten <i>Trichloroethene</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.20 µg/l</i>	$\leq 20 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
10	Vinyl clorua <i>Vinyl chloride</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.05 µg/l</i>	$\leq 0.3 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
11	Benzen <i>Benzene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 1 µg/l</i>	$\leq 10 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
12	Ethyl benzen <i>Ethyl benzene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 1.5 µg/l</i>	$\leq 300 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
13	Phenol và dẫn xuất phenol <i>Phenols</i>	HD.PP.46/KXN.LH: 2021 (Ref. EPA Method 604:1984) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.30 µg/l</i>	$\leq 1 \mu\text{g/l}$	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
14	Styren <i>Styrene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 3 µg/l</i>	$\leq 20 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
15	Toluen <i>Toluene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 3 µg/l</i>	$\leq 700 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
16	Xylen <i>Xylene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 3 µg/l</i>	$\leq 500 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
17	1,2 - Diclorobenzen <i>1,2 - Dichlorobenzene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 3 µg/l</i>	$\leq 1000 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
18	Monoclorobenzen <i>Monochlorobenzene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 3 µg/l</i>	$\leq 300 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
19	Triclorobenzen <i>Trichlorobenzene</i>	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 1.5 µg/l</i>	$\leq 20 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
20	Acrylamide <i>Acrylamide</i>	HD.PP.111/TT.SK: 2022 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.15 µg/l</i>	$\leq 0.5 \mu\text{g/l}$	18/12/2023 <i>December 18th, 2023</i>
21	Epichlorhydrin <i>Epichlorohydrin</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.06 µg/l</i>	$\leq 0.4 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
22	Hexacloro butadien <i>Hexachloro butadiene</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.04 µg/l</i>	$\leq 0.6 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
23	1,2-Dibromo-3- chloropropane <i>1,2-Dibromo-3- chloropropane</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.10 µg/l</i>	$\leq 1 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
24	1,2-Dichloropropane <i>1,2-Dichloropropane</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.40 µg/l</i>	$\leq 40 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
25	1,3-Dichloropropene <i>1,3-Dichloropropene</i>	HD.PP.62/KXN.LH:04, 2022 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> <i>LOD = 0.40 µg/l</i>	$\leq 20 \mu\text{g/l}$	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>



Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
26	2,4-D 2,4-D	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 2.00 µg/l	≤ 30 µg/l	19/12/2023 December 19 th , 2023
27	2,4-DB 2,4-DB	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 7.00 µg/l	≤ 90 µg/l	19/12/2023 December 19 th , 2023
28	Alachlor Alachlor	EPA Method 536: 2007 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.40 µg/l	≤ 20 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
29	Aldicarb Aldicarb	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 1 µg/l	≤ 10 µg/l	16/12/2023 December 16 th , 2023
30	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	EPA Method 536: 2007 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.40 µg/l	≤ 100 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
31	Carbofuran Carbofuran	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 1 µg/l	≤ 5 µg/l	16/12/2023 December 16 th , 2023
32	Chlorpyrifos Chlorpyrifos	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 µg/l	≤ 30 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
33	Clodan Chlordane	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 µg/l	≤ 0.2 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
34	Clorotoluron Chlorotoluron	HD.PP.68/KXN.LH: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 1.50 µg/l	≤ 30 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
35	Cyanazine Cyanazine	EPA Method 536: 2007 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.10 µg/l	≤ 0.6 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
36	DDT và các dẫn xuất DDTs	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 µg/l	≤ 1 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
37	Dichlorprop Dichlorprop	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 7.00 µg/l	≤ 100 µg/l	19/12/2023 December 19 th , 2023
38	Fenoprop Fenoprop	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.70 µg/l	≤ 9 µg/l	19/12/2023 December 19 th , 2023
39	Hydroxyatrazine Hydroxyatrazine	EPA Method 536: 2007 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.30 µg/l	≤ 200 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
40	Isoproturon Isoproturon	HD.PP.68/KXN.LH: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 1.50 µg/l	≤ 9 µg/l	15/12/2023 December 15 th , 2023
41	MCPA MCPA	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.20 µg/l	≤ 2 µg/l	19/12/2023 December 19 th , 2023
42	Mecoprop Mecoprop	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.70 µg/l	≤ 10 µg/l	19/12/2023 December 19 th , 2023

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
43	Methoxychlor <i>Methoxychlor</i>	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.01 µg/l	≤ 20 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
44	Molinate <i>Molinate</i>	EPA Method 536: 2007 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.10 µg/l	≤ 6 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
45	Pendimetalin <i>Pendimethalin</i>	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.01 µg/l	≤ 20 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
46	Permethrin <i>Permethrin</i>	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 5 µg/l	≤ 20 µg/l	16/12/2023 <i>December 16th, 2023</i>
47	Propanil <i>Propanil</i>	HD.PP.68/KXN.LH: 2021 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 1.50 µg/l	≤ 20 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
48	Simazine <i>Simazine</i>	EPA Method 536: 2007 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.10 µg/l	≤ 2 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
49	Trifuralin <i>Trifuralin</i>	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.01 µg/l	≤ 20 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
50	2,4,6-Trichlorophenol <i>2,4,6-Trichlorophenol</i>	HD.PP.46/KXN.LH:02, 2021 (Ref. EPA 604) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 1.50 µg/l	≤ 200 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
51	Bromat <i>Bromate</i>	Method 300.1 EPA: 1999 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 3.00 µg/l	≤ 10 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
52	Bromodichlorometan <i>Bromodichloromethane</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	7.43 µg/l	≤ 60 µg/l	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
53	Bromoform <i>Bromoform</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.50 µg/l	≤ 100 µg/l	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
54	Cloroform <i>Chloroform</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	2.92 µg/l	≤ 300 µg/l	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
55	Dibromoaxetonitril <i>Dibromoacetone</i>	EPA 551.1:1995 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.10 µg/l	≤ 70 µg/l	19/12/2023 <i>December 19th, 2023</i>
56	Dibromochlorometan <i>Dibromochloromethane</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 2023 (Ref. EPA 524.2: 1995) (a)	< 2.00 µg/l	≤ 100 µg/l	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
57	Dicloroaxetonitril <i>Dichloroacetone</i>	EPA 551.1:1995 (a)	2.04 µg/l	≤ 20 µg/l	19/12/2023 <i>December 19th, 2023</i>
58	Dichloroacetic acid <i>Dichloroacetic acid</i>	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	< 10.0 µg/l	≤ 50 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
59	Formaldehyde <i>Formaldehyde</i>	HD.PP.48/KXN.LH: 2022 (Ref. EPA 8315A: 1996) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 30.0 µg/l	≤ 900 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
60	Monocloramin <i>Monochloramine</i>	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.05 mg/l	≤ 3.0 mg/l	14/12/2023 <i>December 14th, 2023</i>
61	Monochloroacetic acid <i>Monochloroacetic acid</i>	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	< 10.0 µg/l	≤ 20 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
62	Trichloroacetic acid <i>Trichloroacetic acid</i>	HD.PP.137/KXN.LH: 2023 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 16.00 µg/l	≤ 200 µg/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
63	Tricloroaxetonitril <i>Trichloroacetoneitrile</i>	EPA 551.1:1995 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.01 µg/l	≤ 1 µg/l	19/12/2023 <i>December 19th, 2023</i>
64	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) <i>Radioactivity alpha</i>	ISO 10704:2019 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.025 Bq/l	≤ 0.1 Bq/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>
65	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) <i>Radioactivity beta</i>	ISO 10704:2019 (a)	< 0.150 Bq/l	≤ 1.0 Bq/l	15/12/2023 <i>December 15th, 2023</i>

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Limit of detection.

- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

Atrazine include: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

- DDT và các dẫn xuất gồm: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

DDTs include: 4,4'-DDT; 4,4'-DDE; 4,4'-DDD.

- Phenol và dẫn xuất của phenol gồm: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3-methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Phenols include: Phenol; 2,4-Dinitrophenol; 2,4-Dimethylphenol; 4-Chloro-3-methylphenol; 2,4-Dichlorophenol; 2-Chlorophenol; 2,4,6-Trichlorophenol; Pentachlorophenol.

Nhận xét/ Conclusion:

Mẫu NƯỚC SAU XỬ LÝ (BỂ CHỨA PHƯỚC VĨNH) có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành

This sample had parameters which met requirements of the National technical regulation on Domestic Water Quality QCVN 01-1:2018/BYT, Ministry of Health.



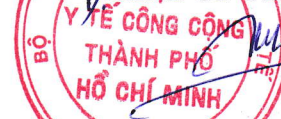
Ho Chi Minh City, **25-12-2023**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh